

VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Biên soạn: HUYỀN THANH

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là **Mañjuśrī**, hay **Mamjuśrī**; dịch âm là: Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Thất Lợi; dịch ý là **Diệu Cát Tường, Diệu Đức**. Lại có tên là Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát, Nhi Văn Thù Bồ Tát, Diệu Thủ, Phổ Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ....

Bồ Tát này cùng với Kinh **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** với Kinh **Điền** thuộc hệ **Bát Nhã** có quan hệ thâm sâu.



Hoặc có thuyết nói Ngài là nhân vật lịch sử, như Kinh **Văn Thù Sư Lợi Bát Niết Bàn** ghi chép: “Văn Thù Bồ Tát là con của một vị Bà La Môn **Phạn Đức** ở thôn làng **Đa La** trong nước **Xá Vệ** tại Ấn Độ, khi Ngài sinh ra từ hông bên phải của mẹ thì nhà cửa hóa như hoa sen, thân màu vàng tía. Mới sinh ra đã có thể nói chuyện, sau này đến chỗ của các Tiên Nhân cầu Pháp xuất gia. Do không có người nào ứng đối lại, cho nên đến chỗ của Đức Phật, xuất gia học Đạo”

Hoặc có thuyết nói Ngài là Phật đã thành, như Kinh **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội**, quyển Hạ ghi nhận: “Ồ kiếp quá khứ rất lâu xa, có Đức **Long Chủng Thượng Như Lai** (Nāgagotrādāra-tathāgata) thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác tại Thế Giới **Bình Đẳng** ở phương Nam. Đức Phật ấy nay tức là **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử**”

Hoặc có thuyết nói Ngài là vị Phật đương lai, như Kinh **Văn Thù Sư Lợi Phật Thổ Nghiêm Tịnh**, quyển Hạ nói rằng: “Vị Bồ Tát này từ na do tha a tăng kỳ kiếp đến

nay, đã phát mười tám loại Đại Nguyên nghiêm tịnh quốc thổ, đương lai sẽ thành Phật hiệu là **Phổ Hiền Như Lai**”

Hoặc có thuyết nói vị Bồ Tát này giáo hóa tại Thế Giới thuộc phương khác, như Tân dịch **Hoa Nghiêm Kinh, quyển 12**, phẩm **Như Lai Danh Hiệu** ghi chép: “Đi về phương Đông trải qua số Thế Giới nhiều như hạt bụi nhỏ của mười cõi nước Phật, có Thế Giới **Kim Sắc** (Survaṇa-rūpa), Đức Phật hiệu là **Bất Động Trí** (Acala-jñāna) có một vị Bồ Tát tên là **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī)...”

_Tại Ấn Độ với Tây Vực... ghi chép rất ít về tín ngưỡng Văn Thù. Ở Trung Quốc từ đời **Đông Tấn** thì tín ngưỡng Văn Thù dần dần được thịnh hành rồi lan truyền sang các nước Tây Tạng, Mông Cổ, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam...

_**Hoa Nghiêm Tông** căn cứ vào Cựu Dịch **Hoa Nghiêm Kinh**, phẩm **Bồ Tát Trú Xứ** ghi chép: “Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trụ ở núi **Thanh Lương** ở phương Đông Bắc” rồi dùng chùa Thanh Lương trên núi **Ngũ Đài** ở Sơn Tây làm Đạo Trường của Văn Thù

_Trong **Kinh Văn Thù Sư Lợi Pháp Bảo Tàng Đà La Ni** ghi nhận Đức Thích Tôn đã từng dự đoán là: “Sau khi Ta diệt độ, ở phương Đông Bắc của cõi **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) này có nước tên là **Chấn Na** (Cina), trong nước ấy có ngọn núi hiệu là **Ngũ Đỉnh**, Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử du hành đến cư ngụ trong chỗ ấy, vì chúng sinh nói Pháp”

Dựa vào đây, Phật Giáo Trung Quốc nhận định núi Ngũ Đỉnh ở nước **Chấn Na** tức là núi **Ngũ Đài** (lại gọi là núi **Thanh Lương**) ở Trung Quốc. Từ đây lưu truyền thành ngọn núi đại biểu của Bồ Tát Văn Thù

_Trong Phật Giáo Đại Thừa: Văn Thù Sư Lợi cùng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) là hai vị hầu cận hai bên phải trái Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) nên người đời xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là **Thượng Thủ** (Pramukha) trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phụ giúp Đức Thích Tôn hoằng Pháp. Nhân đây được xưng là **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra)



Y theo Kinh Điển Đại Thừa ghi chép thì ngay trong hết thầy Đại Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát chẳng những tượng trưng cho **Đại Trí** trong bốn vị Đại Bồ Tát mà đã từng là bậc Thầy của 7 vị Phật đời quá khứ. Trí Tuệ sắc bén ấy được ví dụ như là người mẹ của chư Phật thành Đạo trong ba đời, nhân đây có Tôn Hiệu là **Nhất Thiết Giác Mẫu Diệu Cát Tường**. Lại nữa, y theo Kinh **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** đã ghi chép thì ngay tại đời quá khứ lâu xa Ngài đã sớm thành Phật, hiệu là **Long Chủng Thượng Như Lai** (Nāgagotrodara-tathāgata). Sở dĩ Ngài hiện làm một trong hai vị Đại Hiệp Thị của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng qua chỉ là một loại **Đại Quyền Thị Hiện** của sự Từ Bi hóa độ

Ngoài việc là Thầy của chư Phật đời quá khứ, Văn Thù Bồ Tát từng có ân nghĩa dạy bảo cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Kinh **Phóng Bát** ghi chép là: “Đức Phật bảo các Bồ Tát, A La Hán rằng: (lược đoạn giữa). Nay Ta được thành Phật, có 32 Tướng, 80 tùy hình tốt đẹp, Uy Thần tôn quý, độ thoát tất cả chúng sinh trong mười phương đều là ân của Văn Thù Sư Lợi vốn là bậc Thầy của Ta. Trước đây vô ương số chư Phật đời quá khứ đều là Đệ Tử của Văn Thù Sư Lợi, bậc đương lai cũng là nơi do Uy Thần Ân Lực của Ngài đã đem đến. Ví như Thế Gian con trẻ phải có cha mẹ thời Văn Thù tức là bậc cha mẹ trong Phật Đạo vậy”

Trong Kinh **Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán** thì Bồ Tát Văn Thù được xưng là **Tam Thế Giác Mẫu Diệu Cát Tường** cùng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) là hai vị hầu cận hai bên phải trái Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi). Người đời xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**. Trong đó **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī) đại biểu cho **Trí Đức, Tuệ Đức, Chứng Đức** của tất cả chư Phật và **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) đại biểu cho **Lý Đức, Định Đức, Hạnh Đức** của tất cả chư Phật. Cả hai vị này đều biểu hiện cho Lý Trí, Định Tuệ, Hạnh Chứng đã hoàn toàn viên mãn của Đức Phật.

Trong **Kinh Hoa Nghiêm** (Avatamsaka-sūtra) bày rõ tất cả Phật Pháp quy về **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) với hai vị Đại Sĩ **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Văn Thù** (Mañjuśrī). Ba vị này được xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**, trong đó Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát đại biểu cho **Chứng Đức** của tất cả Bồ Tát.



Hình tượng của Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát có nhiều loại. Hoặc tượng Văn Thủ mặc áo đỏ, hoặc tượng Văn Thủ mang tướng Tăng, hoặc làm hình Đồng Tử, hoặc tượng vượt qua biển... song, tượng Văn Thủ có tay phải cầm cây kiếm trí, tay trái cầm hoa sen xanh (hoặc cầm quyển Kinh Bát Nhã), cỡi trên con sư tử xanh là thường thấy



Hình tượng cầm cây kiếm ngòì trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh,

dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tĩnh chúng sinh đang bị mê đắm. Tòà ngòì là **Sư Tử** (Simha) biểu thị cho sự uy mǎnh của Trí Tuệ.

Mật Tông Phật Giáo dựa vào số chữ nhiều ít tại Mật Bộ mà phân ra là: Nhất Tự Văn Thù, Ngũ Tự Văn Thù, Lục Tự Văn Thù, Bát Tự Văn Thù... hoặc dựa vào hình trạng của búi tóc trên đỉnh đầu của Ngài mà chia ra: Nhất Kế Văn Thù, Ngũ Kế Văn Thù, Bát Kế Văn Thù...

.)**Ngũ Tự Văn Thù**, tên Phạn là Mañju-ghoṣa, dịch âm là Mạn Thù Già Sa, dịch nghĩa là Diệu Âm, tức dùng năm chữ **A La Ba Tả Na** làm Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát

A (𑖀_A): nghĩa là vốn vắng lặng không có sinh (Tỳ Lô Giá Na Phật nói)

La (𑖜_RA): nghĩa là vốn trống rỗng lia bụi bặm (A Súc Phật nói)

Ba (𑖃_PA): nghĩa là vốn chân thật không có nhiễm dính, lia dơ bẩn (Bảo Sinh Phật nói)

Tả (𑖠_CA): nghĩa là vốn trong sạch, hành màu nhiệm (Quán Tự Tại Vương Như Lai nói)

Na (𑖨_NA): nghĩa là vốn trống rỗng, không có Tự Tính (Bất Không Thành Tựu Như Lai nói)



.)**Nhất Tự Văn Thù** lại xưng là **Nhất Kế Văn Thù**. Căn cứ vào việc Văn Thù cột buộc một búi tóc, dùng búi tóc đó gọi là **Nhất Kế** mà xưng tên.

Trong Kinh **Đại Phương Quảng Bồ Tát** với Kinh **Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nhất Tự Đà La Ni** nêu ra Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát là **Án xỉ lâm** (OM ŚRHYIM, hay ŚRĪM hoặc TRHYIM) bởi thế nên xưng là **Nhất Tự Văn Thù**



.)**Lục Tự Văn Thù** tức dùng sáu chữ **Án phộc kê đạm nạp mạc** (OM VĀKEDA NAMAḤ hay OM VĀKYEDA NAMAḤ) làm Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát. Bồ Tát này trụ ở Tam Muội **Diệt tội điều phục**. Vì Chân Ngôn ấy có sáu chữ nên xưng là **Lục Tự Văn Thù**. Nếu Hành Giả muốn sinh về Thế Giới Cực Lạc hoặc cầu sống lâu thì có thể tu Pháp Lục Tự Văn Thù



.)**Bát Tự Văn Thù**: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong **Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát Tự Đà La Ni Tu Hành Mạn Đồ La Thứ Đệ Nghi Quỹ Pháp** được nêu ra Chân Ngôn có tám chữ: “**Án a vị la hồng khu tả lạc**” (OM AH VĪRA HŪM KHACARAḤ) cho nên xưng là **Bát Tự Văn Thù**. Nhân trên đỉnh đầu có tám búi tóc nên lại xưng là **Bát Kế Văn Thù Bồ Tát**. Thông thường tu Pháp này trong các trường hợp Túc Tai (ngưng trừ tai nạn), trừ bỏ mộng ác...



.)**Thiên Tý Thiên Bát Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát**: xưng đầy đủ là **Ngũ Đỉnh Ngũ Trí Tôn Thiên Tý Thiên Thủ Thiên Bát Thiên Phật Thích Ca Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát**. Lược xưng là **Thiên Bát Văn Thù** là một trong **Ngũ Tự Văn Thù**, Do trên thân lộ ra một ngàn cánh tay, mỗi cánh tay đều cầm một cái bát cho nên có tên gọi này





千臂千鉢千釋迦文殊菩薩
(明朝·中國三西太原·崇善寺大悲殿)



_ Mật Giáo Tây Tạng và Mông Cổ ghi nhận năm hình thức của Văn Thù Bồ Tát là: **Thánh Văn Thù** (Ārya-mañjuśrī) màu vàng, **Ngũ Vương Văn Thù** (Vādi-rāja-mañjughoṣa) màu vàng hay màu cam, **Lợi Văn Thù** (Tikṣṇa-mañjuśrī) màu đen hoặc xanh đậm, **Ngũ Sư Tử Văn Thù** (Vādi-siṃha-mañjughoṣa) màu vàng hay màu trắng, **Hồng Văn Thù** (Rākta-mañju śrī) màu hồng hay màu đỏ

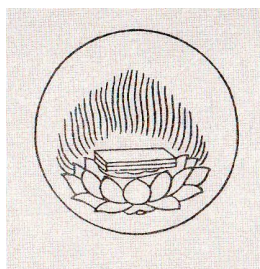


Tại **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp, đồng Thể với **Vô Tận Ý Bồ Tát** (Akṣaya-mati) ở đầu phía Tây trong bốn Tôn ở phương Bắc tại Ngoại Đàn.

Mật Hiệu là: **Bảo Ý Kim Cương, Vô Tận Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JÑA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn biểu thị cho Trí Tuệ của Như Lai



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂

OM _ AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ JŪA

_ Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Bồ Tát Văn Thù được hiện bày ở vị trí Tây Nam của Trung Đài Bát Diệp Viện, và trong **Văn Thù Viện** thì Ngài là vị Chủ Tôn.

.)Tại **Trung Đài Bát Diệp Viện** thì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

Tôn Hình: Thân hiện màu vàng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ hoặc Ngũ Cổ, tay phải cầm quyển Kinh



Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương trên hoa sen xanh, hoặc hoa sen xanh

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Pháp Trụ Ấn** : còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở bung 2 ngón giữa. Biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.



Chân Ngôn là :

𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂 𑖀𑖅𑖄𑖂

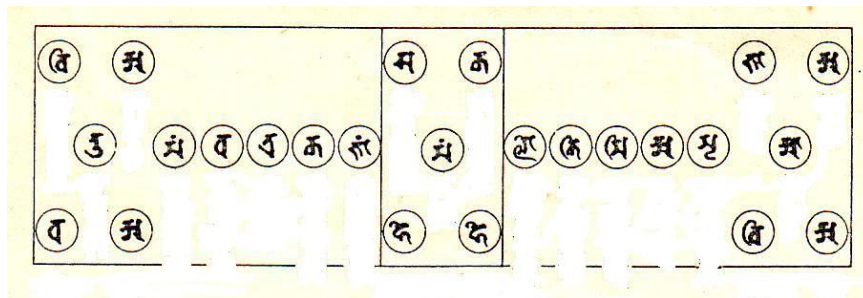
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ Ā VEDA VIDE _ SVĀHĀ

.)Tại **Văn Thù Viện** thì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là Chủ Tôn

Viện này là sự **mở thấy chứng ngộ** thuộc ba loại trang nghiêm không tận của Đại Nhật Như Lai, đại biểu cho Bát Nhã Diệu Tuệ.

Văn Thù Viện biểu thị cho Trí Tuệ của Đại Nhật Như Lai, hay đoạn trừ tất cả lý luận, lại ban cho Phước Đức, nhưng vẫn dùng Trí Đức làm gốc.

Viện này gồm có 25 Tôn được trình bày như sau:



_ Lớp bên trái có 10 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn:

1_ Phì Xa Gia (唵)

2_ A nhĩ Đa (我)

.) Hàng giữa có 6 Tôn:

1_ Đồng Mẫu Lô (唵)

2_ Diệu Âm Bồ Tát (唵)

3_ Nguyệt Quang Bồ Tát (唵)

4_ Vô Cầu Quang (唵)

5_ Bảo Quan Bồ Tát (唵)

6_ Quang Vãng Bồ Tát (唵)

.) Hàng dưới có 2 Tôn:

1_ Xá Gia (唵)

2_ A Ba La Nhĩ Đa (我)

_ Lớp giữa có 5 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn:

1_ Đại Thánh Quán Âm (唵)

2_ Đại Thánh Phổ Hiền (唵)

.) Hàng giữa có 01 Tôn là Văn Thù (唵)

.) Hàng dưới có 2 Tôn:

1_ Bất Khả Việt Thủ Hộ (唵)

2_ Tương Hướng Thủ Hộ (唵)

_ Lớp bên phải gồm có 10 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn

1_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (唵)

2_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (唵)

.) Hàng giữa có 6 Tôn

1_ Kế Thiết Ni Đồng Tử (唵)

2_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử (唵)

3_ Chất Đát La Đồng Tử (唵)

- 4_ Địa Tuệ Đồng Tử (𑖀)
- 5_ Triệu Thịnh Đồng Tử (𑖁)
- 6_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử (𑖂)
- .) Hàng dưới có 2 Tôn
- 1_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (𑖃)
- 2_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (𑖃)

1_ Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) là Tôn ở chính giữa Viện và xưng là Ngũ Kế Văn Thù.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Đồng Tử, đỉnh đầu có 5 búi tóc. Tay phải ngửa lòng bàn tay hướng đầu ngón tay về bên phải. Tay trái cầm hoa sen xanh bên trên có chày Tam Cổ dựng đứng, ngồi trên hoa sen trắng.



Thân màu vàng ròng biểu thị cho sự bền chắc của Tuệ thâm sâu.
 Đỉnh đầu có 5 búi tóc biểu thị cho việc thành tựu đầy đủ 5 Trí của Như La.
 Nhân làm duyên cho Nhân Duyên của Bản Thệ mà thị hiện làm hình Đồng Chân Pháp Vương Tử.
 Hoa sen xanh biểu thị cho sự chẳng nhiễm dính các Pháp.
 Kim Cương Trí Tuệ Ấn biểu thị cho việc hay dùng ánh sáng Trí chiếu soi khắp Pháp Giới
 Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**
 Chữ chủng tử là: MAM (𑖄)
 Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen, hay rương Kinh Phạn.



Tương Ấn là **Văn Thù Sư Lợi Ấn**: Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng. Các ngón giữa, vô danh giao kết cùng giữ nhau. Đem hai ngón trỏ để trên hai ngón cái như hình móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम हे हे कुमारा विमुक्ति
पथस्थिता स्मरा स्मरा प्रतिज्ञाम स्वाम्हा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI
PATHĀ-STHITA SMARA SMARA PRATIJÑAM SVĀHĀ

2_ Đại Thánh Quán Âm (Ārya-avalokiteśvara):

Avalokiteśvara dịch âm là A Phộc Lô Chi Đê Thấp Phật La. Dịch ý là Quán Tự Tại, tức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Lại tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Phàm chúng sinh gặp nạn mà tụng niệm danh hiệu của Ngài thì tức thời Bồ Tát quán âm thanh ấy liền đến cứu giúp cho nên xưng là Quán Thế Âm. Lại do Bồ Tát này ở cảnh Sự Lý không ngại cho nên xưng là Quán Tự Tại Bồ Tát.

Tôn này còn biểu thị cho **Giác Tính nội tại** ẩn khuất tại nơi rất sâu xa trong tâm của chúng sinh, chẳng bị sự ràng buộc của phiền não mà hay được đại tự tại cho nên xưng là Quán Tự Tại.

Trong Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Đức **Quyền Trí**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tượng Ấn là: Bát Diệp Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ SA

3_ Đại Thánh Phổ Hiền (Ārya-samanta-bhadra, hoặc Viśva-bhadra):

Samanta-bhadra dịch âm là Tam Mạn Đa Bạt Đà La, Tam Mạn Đà Bạt Đà, Bát Thâu Bạt Đà. Dịch ý là Biến Cát Bồ Tát.

Do thân tướng của Bồ Tát này ở khắp tất cả mọi nơi đều thuận một sự Diệu Thiện cho nên gọi là Phổ Hiền.

Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Lý Đức và Định Đức của tất cả chư Phật. Ngài còn đại biểu cho tất cả Hạnh Bồ Tát, tượng trưng cho tinh thần Đại Thừa cứu cánh, đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát.

Trong Mật Giáo thì Phổ Hiền Bồ Tát đồng thể với Kim Cương Tát Đỏa.

Tại Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Hạnh Nguyện rộng lớn

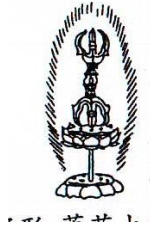
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Tam Cổ, ngồi trên đài sen.



Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen



Tượng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ समन्तभद्राय स्वहा

OM_ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ

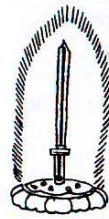
4_ **Bất Khả Việt Thủ Hộ** (Durdharṣa-dvāra-pāla):

Durdharṣa-dvāra-pāla lại xưng là Nan Trì, Nan Thắng, Đối Hộ Môn, Phụng Giáo Giả, Vô Năng Kiến Giả thường thủ hộ bên phải cửa nẻo bên trong (Nội Môn), vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

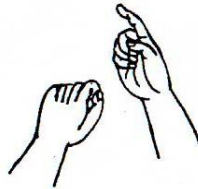
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ngang ngực, hướng mặt về bên trái, giao hai ống chân mà ngồi



Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chung tử là: HE (𑖀), hay KHA (𑖄)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tượng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀
𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖄𑖀𑖄𑖀

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ DURDHARṢA, MAHĀ-ROṢAṆA
KHĀDAYA _ SARVA TATHĀGATA- AJÑAMAḤ KURU_ SVĀHĀ

5_ **Tương Hướng Thủ Hộ** (Abhimukha-dvāra-pāla):

Abhimukha-dvāra-pāla có vị trí cùng đối với **Bất Khả Việt Thủ Hộ** cho nên xưng là **Tương Hướng Thủ Hộ**. Xưng đầy đủ là Tương Hướng Thủ Hộ Môn Giả, hoặc là Đối Diện Hộ Môn Giả, Tương Hướng Kim Cương

Tôn này cũng vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

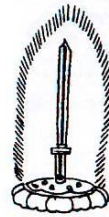
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây kiếm, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên phải, giao ống chân mà ngồi



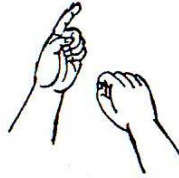
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ॠ), hay KHA (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tượng Ấn là: Tương Hướng Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

ॠः समं वृक्षं प्रक्षयं क मन्त्रवत् प्रक्षयं वृक्ष
प्रक्षयं प्रक्षयं प्रक्षयं प्रक्षयं प्रक्षयं प्रक्षयं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ABHIMUKHA HE MAHĀ-
PRACAṆḌA ABHIMUKHĀ GRHṆA_ KHADAYA KIMCIRĀYASI
SAMAYAM- ANUSMARA_ SVĀHĀ

6_ Quang Vĩng Bồ Tát (Jālīni-prabha):

Jālīni-prabha dịch âm là Chế Lợi Nê Ba La Bà (Hoặc Prabha-jāla: dịch âm là Ba La Bà Xà La). Là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù.

Tôn này tượng trưng cho ánh sáng Trí Tuệ của Văn Thù Bồ Tát như cái lưới vòng khắp Pháp Giới, dùng mọi loại Anh Lạc trang nghiêm cái lưới của Giáo (Giáo Vĩng) tung rộng khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sinh.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Nội Chứng**

Tôn Hình: Hình Đồng Tử màu vàng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm sợi dây, ngồi trên toà hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Sắc Tướng Kim Cương**, tức nghĩa *trống trang nghiêm của Diệu Tuệ*

Chữ chủng tử là: JAM (ཇམ), tức nghĩa *Sinh chảnh thể đặc*

_ Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, hoặc sợi dây.



Tướng Ấn là: Quang Vãng Câu Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖘𑖤𑖧𑖱𑖨𑖨𑖬𑖨𑖩𑖱𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA_
 SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

7_ **Bảo Quan Bồ Tát** (Ratna-kuṭa, hoặc Ratna-makṭa):

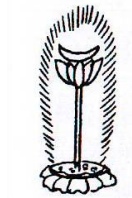
Tôn Hình: Quyển phải để ngang eo, cầm hoa sen, bên trên hoa có nửa vành trăng.
 Tay trái dựng quyển cầm hoa sen chưa nở. Ngồi ngay thẳng trên đài sen.



Mật Hiệu là: Uy Đức Kim Cương

Chữ chủng tử là: CA (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để nửa vành trăng.



Tượng Ấn là: Cháp Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖕𑖕: 𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_CANDRA-PRABHĀYA_SVĀHĀ

10_ Diệu Âm Bồ Tát (Mañju-ghoṣa):

Diệu Âm Bồ Tát biểu thị cho Đức **Thuyết Pháp** của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử, tóc có 3 búi, tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái cầm rương Kinh Phạn, ngồi trên hoa sen đỏ.

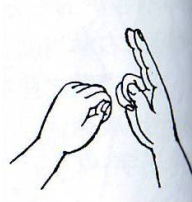


Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**
Chữ chủng tử là: KI (𑖕), hay MAM (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.



Tượng Ấn là: Kế Bảo Ni Dao Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समन्त बुद्धानाम् हे हे कुमारीके
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRIKE_
DAYĀJÑANĀM SMARA PRATIJÑAM_ SVĀHĀ

Hay ॐ रा पा ना

A RA PA CA NA

11_ Đồng Mẫu Lô (Tumburu):



Tumburu dịch âm là Đô Mâu Lô, Đồng Mẫu Lô. Lại xưng là Đâu Mâu Lô Thiên, Đồng Mẫu La Thiên.

Tôn này là anh của 4 chị em Nữ Thiên, cũng là quyền thuộc của chư Thiên trong Dục Giới.

Tôn này là một biểu hiện của Đức Phật Tỳ Lô Giá Gia, còn 4 chị em Nữ Thiên (Aparājitā, Ajitā, Jayā, Vijayā) ở chung quanh tượng trưng cho 4 đặc tính **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh** của Niết Bàn

Tôn Hình: Thân màu đen đỏ, răng trên cắn môi dưới, tay phải cầm cây gậy Độc Cô, tay trái nắm quyền để cạnh eo duỗi ngón giữa ngón trỏ, khoác Thiên Y, giao ống chân ngồi trên tòa Cát Tường



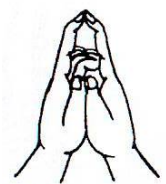
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TU (𑖅), hay KA (𑖇)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bông).



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖕𑖖𑖖𑖕 𑖔𑖗𑖖𑖖𑖔 𑖕𑖗𑖖𑖖𑖔 𑖕𑖗𑖖𑖖𑖔

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_AḤ VISMAYANĪYE _SVĀHĀ

12_ A nhĩ Đa (Ajitā):

Ajitā dịch âm là A Nhĩ Đa, dịch ý là Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyền thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Tịnh Đức** của Niết Bàn

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ , quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Đổ, giao ống chân ngồi trên toà Cát Tường. (hình bên trên)



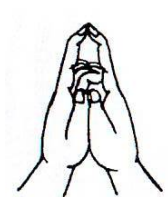
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bông).



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ अस्मिन् नमो बुद्धाय ॐ अस्मिन् नमो बुद्धाय ॐ अस्मिन् नमो बुद्धाय ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

13_ A Ba La Nhi Đa (Aparājitā):

Aparājitā dịch ý là Vô Năng Thắng, là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyền thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Ngã Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ, quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Cô, giao ống chân mà ngồi.(hình bên dưới)



Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (ॐ)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bông).



Trương Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:
ॐ मम वज्रसंज्ञं विसृज्यामि ॥
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

14_ Nị Giả Khiếp Gia (Vijayā):
Vijayā dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã.
Dịch ý là Tới Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Lạc Đức** của Niết Bàn.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cỗ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên trên)



Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VI (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bông).



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖢𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

15_ Xả Gia (Jayā):

Jayā dịch âm là Nhạ Gia, Thệ Gia, Xả Gia, Bán Giả Gia. Dịch ý là Thắng, Tôn Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyền thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Thường Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên dưới)



Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (𑖦), hay JA (𑖕), hay KA (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bông).



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕𑖕𑖕

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_AḤ VISMAYANĪYE _SVĀHĀ _

Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ, quyển 4 ghi rằng: “Bốn chị em là quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát, Bồ Tát thân cận của nhóm ấy thường đi lại trên Đại Địa để cứu độ chúng sinh”

16_ Kê Thiết Ni Đồng Tử (Kesiñi):

Kesiñi lại xưng là Phát Đoan Nghiêm, là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Hóa Trí Thanh Tịnh

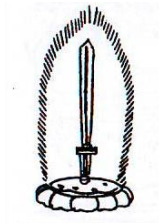
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm hoa sen xanh, hiện hình Đồng Tử.



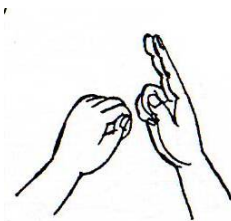
Mật Hiệu là: **Diệu Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LO (𑖣), hay KE (𑖤), hay KILI (𑖣𑖤)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm bén, hay cây đao lớn.



Tượng Ấn là: Kiếm Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं व दं नं किले कुरु कुमारेकं दयं नं म् इ प्रणमं
स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM KILI HE KUMĀRIKE_
DAYĀJÑANĀM SMARA PRATIÑNAM SVĀHĀ

17_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử (Upakeśinī):

Upakeśinī lại xưng là Tiểu Kế Thiết Ni Đồng Tử, Ô Ba Đồng Tử, Kế Thất Ni Đồng Tử, Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử.

Upa là tiếp cận, lệ thuộc. **Ke'sini** là mái tóc đẹp của cô gái. **Upake'sini** dịch ý là người nữ có mái tóc đẹp.

Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Tam Muội **Năng Thí** của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình: Hiện hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ, biểu thị cho Diệu Đức Sắc bén của Tôn này. Khoác Thiên Y , ngồi trên hoa sen đỏ.



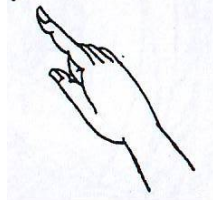
Mật Hiệu là: **Mật Trì Kim Cương**

Chữ chung tử là: KI (𑖕), hay DILI (𑖔𑖛), hay U (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Luân La, hay cây kích.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ và ngón cái.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो समन्ता बुद्धानाम् मिलि चित्रा स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_MILI CITRA_SVĀHĀ

19_ Địa Tuệ Đồng Tử (Vasumati):

Vasumati dịch âm là Phộc Tô Ma Đê. Lại xưng là Tài Tuệ Đồng Tử, Trì Tuệ Đồng Tử, Địa Tuệ Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Nữ có ba búi tóc. Tay phải duỗi hướng về bên phải cầm phan phương. Dựng quyền trái trước ngực cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay HILI (𑖀𑖡), hay KṚ (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phương.



Tượng Ấn là: Tay trái nắm quyền, dựng thẳng ngón út, ngón vô danh.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम हिलि हे स्मारा ज्ञाना-केतु-
SVĀHĀ

20_ Triệu Thỉnh Đồng Tử (Ākarṣāya, hay Ākarṣanī):

Ākarṣāya dịch âm là A Yết La Tây Dã, A Ca La Tây Dã. Lại xưng là Triệu Thỉnh Đồng Tử, Triệu Câu Đồng Tử, Câu Triệu Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **triệu thỉnh chúng sinh đến ở Bồ Đề Đạo** của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn Hình: Hiện hình Đồng Tử hoặc hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cỗ. Tay trái cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.

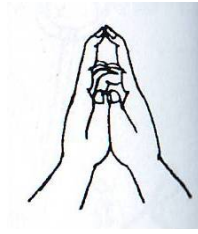


Mật Hiệu là: **Phổ Tập Kim Cương**

Chữ chung tử là: MR (𑖓𑖜), hay A (𑖓), hay AH (𑖓𑖛)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, biểu thị cho nghĩa *Triệu thỉnh câu dẫn*





Chân Ngôn là:

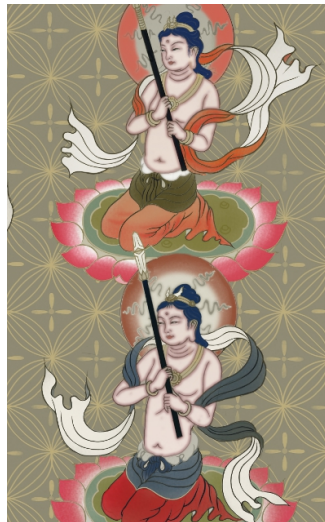
ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं नमः ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYANĪYE_ SVĀHĀ _



22_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarinī):

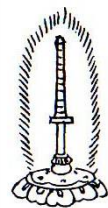
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)



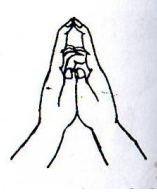
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: JA (𑖗), hay KI (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



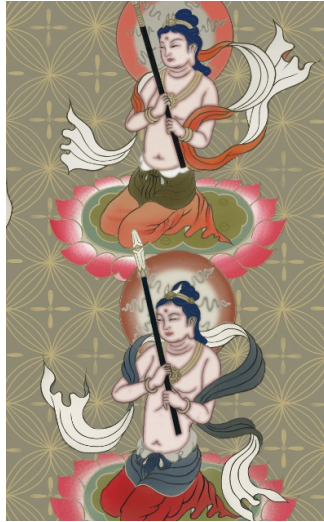
Chân Ngôn là:

नमो सम्यक् बुद्धाय अहं विस्मयानिधये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_AḤ VISMAYANĪYE _SVĀHĀ

23_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarīni):

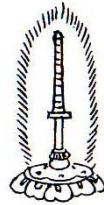
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cô, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)



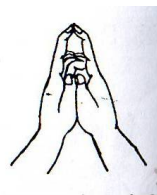
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chung tử là: VI (𑖫), hay KI (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

नमो सम्यक् बुद्धाय अहं विस्मयानिधये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_AḤ VISMAYANĪYE _SVĀHĀ

24_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarinī):

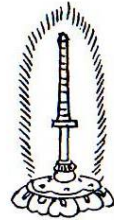
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)



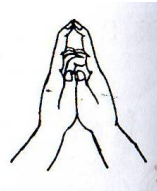
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: A (𑖠), hay KI (𑖛)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

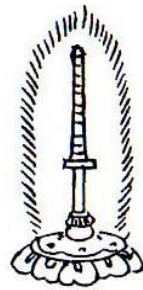
𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_AḤ VISMAYANĪYE _SVĀHĀ

25_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kimkarinī):

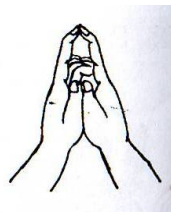
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)



Mật Hiệu là: (chưa rõ)
 Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay KI (𑖅)
 Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tượng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:
 नमो समन्त बुद्धानाम् अहं विस्मयानिणे स्वहा
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

Ngoài ra các Kinh Quỹ có ghi nhận một số Tôn Tượng, Thủ Ấn và Chân Ngôn của Bồ Tát Văn Thù là:



薩菩利師殊文無南







-Năm hình thức của Văn Thù Bồ Tát



1_ Văn Thù màu vàng:



2_ Văn Thù màu cam





文殊菩薩 (Manjusri)

3_Văn Thù màu trắng





4_Văn Thù màu đỏ:





5_ Văn Thù màu đen (hay xanh đậm):





Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Thủ Ấn (1)

Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng. Các ngón giữa, vô danh giao kết cùng giữ nhau. Đem hai ngón trỏ để trên hai ngón cái như hình móc câu



Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं समन्त बुद्धाय नमः कुमाराय विमुक्ति
पथस्थिता स्मरा स्मरा प्रतिज्ञाम् स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI
PATHĀ-STHITA SMARA SMARA PRATIJÑAM SVĀHĀ

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Thủ Ấn (2)

Ấn này được trích ra từ Kinh Lý Thú. Hai tay nắm Kim Cương Quyền, quyền trái đè đầu gối trái như cầm rương kinh Phạn, quyền phải dựng đứng trên đầu gối trái như dạng cầm cây kiếm.



Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Thủ Ấn (3)

Tay Ấn trong Bồ Tát Bộ [Địa Tạng Phật Học Tư Nguyên] Ấn này được trích ra từ Kinh Lý Thú. Tay trái tác Ấn cầm hoa, tức ngón cái với ngón trỏ cùng vịn nhau, dựng đứng ba ngón còn lại, làm dạng cầm bông hoa để Quán, sau đó để ở trái tim. Tay phải tác Kiếm Ấn tức đem ngón cái đè móng ngón vô danh với ngón út, dựng đứng hai ngón còn lại. Tiếp theo dùng Kiếm Ấn của tay phải chém cọng hoa của tay trái ba lần. Đây biểu thị cho nghĩa chặt đứt **cách chắm** của Phàm Phu.



Ngũ Tự Văn Thù Kiếm Ấn

Hai tay kết Ngoại Phộc, dựng hợp hai ngón giữa, cong gấp lóng trên như hình cây kiếm. Lại gọi là **Văn Thù Kiếm Ấn**, là Kim Cương Lợi Bồ Tát Ấn trong Kim Cương Giới Tam Muội Gia Hội



Chân Ngôn

ॐ ऽ र ष ङ
A RA PA CA NA

(Mật Giáo Tây Tạng truyền dạy Ngũ Tự Chú này là:
OM _ A RA PA CA NA _ DHĪH



Ngũ Kế Ấn:

Ngón vô danh của tay phải với ngón út của tay trái cùng hợp đầu ngón. Tiếp đem ngón út của tay phải với ngón vô danh của tay trái cùng hợp đầu ngón. Hai ngón giữa, ngón trỏ, ngón cái cũng đều tự hợp đầu ngón. Ấn này có hình như dạng năm đỉnh núi. Đem để ở trái tim, hai vai, cổ họng rồi đến đỉnh đầu

Trong **Giác Thiên Sao** đã nói thì hơi có sự chằng đờng. Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, đem mặt ngón út phải nghiêng đè mặt ngón giữa trái, đem mặt ngón giữa phải nghiêng đè mặt ngón trỏ trái, kèm dựng đứng hai ngón cái. Ấn này có tên là **Ngũ Tự Văn Thù Sư Lợi Ấn**



Chân Ngôn:

ॐ ५:५ ५ ५ ५

OM_ DUHKHA CHEDA DHAM

Lục Tự Văn Thù:

Ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cùng móc kết nhau. Dựng thẳng ngón giữa cùng trụ nhau, cong hai ngón trỏ đều vịn lóng trên lưng ngón giữa, đồng thời đưa ngón trỏ qua lại.



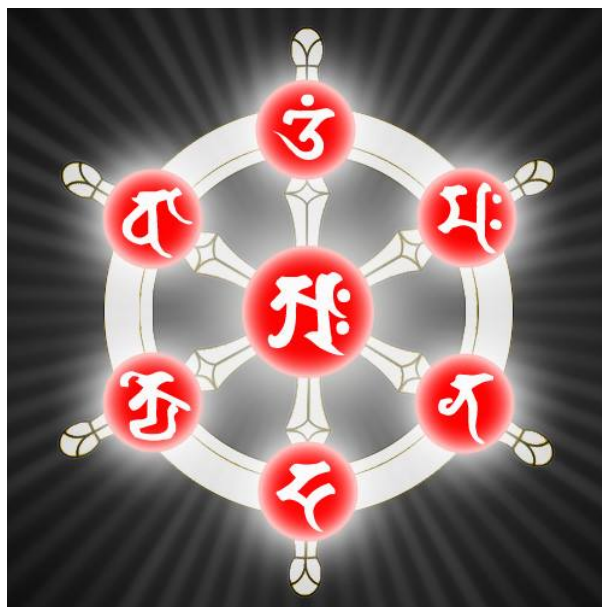
Chân Ngôn:

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

OM_ VĀKEDA NAMAḤ

(Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận **Lục Tự Chú** này là

OM VĀKYEDA NAMAḤ





Bát Tự Văn Thù Thủ Ấn:

Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng, đem hai ngón giữa phụ ở lưng hai ngón vô danh, kèm dựng hai ngón cái, cong hai ngón trở hợp một đố ở trên hai ngón cái.

Căn cứ vào Phẩm **Mật Ấn** của Kinh **Đại Nhật** đã thuật thì đây là Ấn của Thai tạng Văn Thù Viện với ngón giữa, ngón vô danh, ngón út biểu thị cho hoa sen xanh; ngón cái, ngón trở là hình cây kiếm tức biểu thị cho Tam Muội Gia Hình



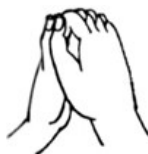
Chân Ngôn:

ॐ ऋ वी र हूं ख व ः

OM_ AH VĪRA HŪM KHACARAḤ

Bát Tự Văn Thù Đại Tinh Tiến Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón cái hơi cong lại rồi nghiêng đê hai ngón trở, xong rồi hai ngón cái với hai ngón trở có khoảng giữa có hai loại nói Pháp “mở, đóng”. Lúc mở thì như miệng sư tử há lớn (bên trái là cái miệng, bên phải là mạnh bạo) ăn tất cả nhóm phiền não chẳng lành của chúng sinh. Lúc đóng thì như miệng sư tử (bên trái là cái miệng, bên phải là mạnh bạo) ăn đã xong. Cho nên Ấn này lại xưng là **Sư Tử Khẩu** hoặc gọi là **Đại Tinh Tiến Ấn**, **Nhất Thiết Vô Úy Ấn**, **Sư Tử Quán Ấn**, **Sư Tử Thủ Ấn**, **Văn Thù Sư Tử Khẩu Ấn**, **Bảo Châu Ấn**, **Diệu Cát Tường Phá Chư Tú Diệu Ấn**, **Phá Tú Diệu Chướng Ấn**, **Phá Thất Diệu Nhất Thiết ất Tường Ấn...** mà đồng với **Phật Bộ Tâm Tam Muội Gia**



Chân Ngôn:

ॐ ऋ वी र हूं ख व ः

OM_ AH VĪRA HŪM KHACARAḤ

NĂM TÔN VĂN THÙ

Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī) là nơi mà Trí Tuệ của chư Phật đã hóa hiện, **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara) là nơi mà Từ Bi của chư Phật đã hóa hiện, **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) là nơi mà Lực Lượng của chư Phật đã hóa hiện. Do đó, ba vị Bồ Tát này tức là **Trí Tuệ, Từ Bi** với **Lực Lượng** của chư Phật, được hợp xưng là **Tam Bộ Chủ**

Văn Thù có nhiều loại Hóa Tướng, hiện ra nhiều phong mạo chẳng đồng: có lúc tay phải cầm hoa sen tượng trưng cho sự thuần khiết cao thượng của Trí Tuệ, có lúc thì tay cầm cây kiếm báu biểu thị cho Trí Tuệ hay đoạn trừ tất cả phiền não, có lúc ngồi trên con sư tử biểu thị cho uy vũ dũng mãnh, có lúc ngồi trên đài sen biểu thị cho sự thanh tịnh không nhiễm dính, có lúc ngồi trên con chim công biểu thị cho sự bay bổng tự tại....

Tu trì Pháp Môn của Văn Thù hay được sáu loại Trí Tuệ tức: **Tốc Tuệ, Thâm Tuệ, Quảng Tuệ, Thuyết Pháp Tuệ, Biện Pháp Tuệ** với **Trước Soạn Tuệ**. Sáu loại Tuệ này đều có sự chẳng đồng, thông thường:

Người thấy một chữ mà có thể biết ý nghĩa của một loại ấy, tức là người có đủ **Tuệ mau chóng** (Tốc Tuệ)

Thấy một chữ mà có thể biết nghĩa bên trong của nhiều loại, tức là người đủ **Tuệ sâu xa** (Thâm Tuệ), liền khiến cho người khác đặt câu hỏi rồi giải quyết vấn đề ấy một cách tinh thâm, rõ ràng

Quảng Tuệ chỉ Trí Năng bao quát nhiều mặt

Người có **Thuyết Pháp Tuệ** thì khi giảng Kinh rất ư khéo léo

Người có **Biện Pháp Tuệ** thì rất tinh tế trong việc biện luận nghĩa của Pháp, nói năng mừi phần tốt đẹp

Trước Soạn Tuệ tức chỉ tài năng biên soạn tác phẩm khiến cho người được lợi ích

Tại Tạng Truyền Phật Giáo, Văn Thù Bồ Tát có nhiều loại Hóa Thân, thường thấy có **Hồng Hoàng Văn Thù, Nhu Đồng Văn Thù, A Lạp Bạc Tra Văn Thù** (cũng là **Ngũ Tự Văn Thù**), **Bạch Văn Thù** với **Hắc Văn Thù** ... Năm Tôn của Môn này đều hợp xưng là **năm Văn Thù**. Năm Văn Thù tuy đồng là Văn Thù Đại Sĩ, nhưng mà Phật Bộ ấy với Hóa Thân đều có sự chẳng đồng, ngoài ra cũng có lợi ích thù thắng chẳng đồng.

Pháp Môn của **Hồng Hoàng Văn Thù** trừ **Trí Tuệ** ra cũng có tác dụng **Hoài Nhiếp** (Tăng ích)

Nhu Đồng Văn Thù là Hóa Tướng của Văn Thù bên trong Tâm của **Đại Uy Đức Kim Cương**

Pháp Môn của **A Lạp Bạc Tra Văn Thù** đối với sự **chứng ngộ Không Tính** đặc biệt có sự trợ giúp

Pháp Môn của **Bạch Văn Thù** trừ **Trí Tuệ** ra cũng đặc biệt lợi cho sự sinh ra Tâm Bồ Đề

Hắc Văn Thù trừ **Trí Tuệ** ra cũng là một vị Bản Tôn trừ chướng

Ngoài ra, Hóa Tướng của Văn Thù lại chia ra nhiều loại tướng: bên ngoài (ngoại), bên trong (nội) với kín đáo (mật). Chú ấy cũng đều có sự chẳng đồng.

_Tùy theo sự truyền thừa mà Pháp Tướng của năm Tôn Văn Thù được ghi nhận khác nhau:

.)Năm Văn Thù là sự hiển hiện chẳng đồng của Văn Thù Bồ Tát. Trung ương là **A Lạt Ba Tạng Văn Thù** (tức **Ngũ Tự Văn Thù**). Phần bên trên: phía trái là **Hồng Hoàng Văn Thù**, phía phải là **Tứ Tự Văn Thù**. Phần bên dưới: phía trái là **Bạch Văn Thù**, phía phải là **Hắc Văn Thù**. Năm loại **Thân biến hóa** của Văn Thù này đều có năm loại màu thân chẳng đồng, cùng với Ngũ Trí Như Lai mỗi mỗi đối ứng, biểu thị cho Văn Thù gom tập năm loại Trí Tuệ ở một Thân



.)Thangka (tranh Maṇḍala) của Mông Cổ (Thế kỷ 19) ghi nhận năm hình thức Văn Thù Bồ Tát là:

- 1_ Trung tâm: Ārya-mañjuśrī (màu vàng)
- 2_ Bên trên, phía trái: Tīkṣṇa-mañjuśrī (màu xanh đậm)
- 3_ Phía dưới, bên trái: Rakta-mañjuśrī (màu đỏ)
- 4_ Bên trên, phía phải: Vādita-mañjughoṣa (màu vàng)
- 5_ Phía dưới, bên phải: Vadi-siṃha-mañjughoṣa (màu vàng)

Phần bên trên, ở trung tâm là Đại Sư **Je-tsoñ-kha-pa**.

Hai bên trái phải và trung tâm ở bên dưới ghi nhận năm tháp báu của Phật, đại biểu cho **năm Đỉnh**



Ở Trung Quốc, biểu hiện năm Văn Thủ Sư Lợi theo màu sắc là: trắng, vàng (hoặc : màu cam) , màu đỏ, màu xanh và màu xanh lá cây .



.)**Năm Văn Thù Bồ Tát** là nơi hóa hiện của năm Đức Phật, đại biểu cho Như Lai của năm Bộ.

Văn Thù Chủ Tôn được xưng là **A Lạp Ba Trát Văn Thù** (tức Ngũ Tự Văn Thù), lại xưng là **Văn Thù Vương**. Là Tôn ngồi ở trung ương, thân màu cam, đầu đội mào năm Phật, tay phải cầm cây kiếm Trí Tuệ biểu thị cho sự chặt đứt tất cả năm độc, Vô Minh. Phiền não... Tay trái cầm hoa **Ô Ba Lạp** (utpāla), trên hoa có Kinh Điển Bát Nhã biểu thị cho Trí Tuệ của Phật

Bạch Văn Thù có thân màu trắng, đầu đội mào năm Phật. Tay phải để ở đầu gối tác Ấn Thí Nguyện, vịn cành hoa sen, trên hoa có cây kiếm Trí Tuệ dựng đứng. Tay phải để ngang ngực tác Ấn Chuyển Pháp Luân, vịn cành hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã, Tôn này chủ yếu là có thể làm cho ngưng dứt tất cả tai nạn, cũng là **Pháp Tức Tai**, có thể tiêu trừ tất cả Nghiệp Lực. Bạch Văn Thù có thể dùng trị trăm bệnh. Trì Chú của Bạch Văn Thù có thể dùng trị bách bệnh

Hoàng Văn Thù có thân màu vàng của trái quýt (màu cam), đầu đội mào năm Phật. Tay phải cầm hoa sen, trên hoa có cây kiếm Trí Tuệ. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã. Tôn này chủ về sự ban Phước, biểu thị cho Pháp **Tăng Ích**

Tứ Tỳ Văn Thù được trích ra từ **Văn Thù Chân Thật Danh Kinh**, thân màu vàng hồng, đầu đội mào năm Phật, có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất giơ lên cao cầm cây kiếm Trí Tuệ chém đứt tất cả phiền não Vô Minh, tay thứ hai cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cành hoa Ô Ba Lạp, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã, tay thứ hai cầm cây cung. Tứ Tỳ Văn Thù chuyên chủ về Pháp **Kính Ái**

Hắc Văn Thù có thân màu đen hay màu xanh lam đậm, đầu đội mào năm Phật, Tay phải giơ lên cao cầm cây kiếm Trí Tuệ, Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã. Tôn này chủ về trừ Ma Chướng, tức có thể dùng Pháp **Giáng Phục**. Hắc Văn Thù có khẩu quyết quán tưởng bí mật có thể dùng trừ bỏ tất cả chướng ngại



Tác giả **Sách Lăng** thuộc **Miền Tát Họa Phái** (hiện đại) đã vẽ năm loại Văn Thù để phổ biến và xưng gọi là **Ngũ Tính Văn Thù**
Trung ương là **Kỵ Sư Giả Hồng Văn Thù**.

Bên trên, phía trái là **Trì Kiếm Hoàng Văn Thù**, hoặc xưng là **Văn Thù Dũng Sĩ**

Bên trên, phía phải là **Bạch Văn Thù**, hoặc xưng là **Trí Tuệ Luân Văn Thù**

Bên dưới, phía trái là **Tứ Tý Văn Thù**

Bên dưới, phía phải là **Hắc Văn Thù**

Ngay chính giữa Thiên Giới là **Tung Tam Thế Phật** biểu thị cho khái niệm thời gian



Chân Ngôn chính của năm Tôn Văn Thù là **Văn Thù Ngũ Tự Chân Ngôn**:

A (𑖀): nghĩa là vốn vắng lặng không có sinh (Tỳ Lô Giá Na Phật nói)

RA (𑖠): nghĩa là vốn trống rỗng lia bụi bặm (A Súc Phật nói)

PA (𑖡): nghĩa là vốn chân thật không có nhiễm dính, lia dơ bẩn (Bảo Sinh Phật nói)

CA (𑖢): nghĩa là vốn trong sạch, hành màu nhiệm (Quán Tự Tại Vương Như Lai nói)

NA (𑖣): nghĩa là vốn trống rỗng, không có Tự Tính (Bát Không Thành Tựu Như Lai nói)

Khi cúng phụng chung năm Tôn Văn Thù thì dùng **Ngũ Tự Văn Thù Kiếm Ân**
Hai tay kết Ngoại Phộc, dựng hợp hai ngón giữa, cong gấp lóng trên như hình
cây kiếm. Lại gọi là **Văn Thù Kiếm Ân**, là Kim Cương Lợi Bồ Tát Ân trong Kim
Cương Giới Tam Muội Gia Hội



Chân Ngôn là:
OM _ A RA PA CA NA DHĪH



Pháp Môn của năm Tôn Văn Thù hàm chứa năng lực **Tả Tác** (biên chép tạo
làm), năng lực Biện Tài, năng lực giảng Pháp, năng lực phân tích sự vật... giúp cho
chúng ta đạt được Trí Tuệ phi thường. Có thể khiến cho chúng ta tăng trưởng Tâm Bồ
Đề, Tâm Đại Từ Đại Bi, Trí Tuệ của sự tu hành nhóm Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục,
Tinh Tiến, Thiền Định.

Trong năm Tôn Văn Thù thì ba Tôn: **Hoàng Văn Thù**, **Bạch Văn Thù** và **Hắc Văn Thù** được truyền dạy rộng rãi hơn. Trong đó:

.)**Hoàng Văn Thù** là Bản Tôn khai phát Trí Tuệ **Không Tính**. Tu trì Pháp Môn của Hoàng Văn Thù thời có thể đắc được Trí Tuệ thông đạt **Không Tính**, phá trừ sự chấp dính và mê mờ đối với biểu tượng của sự vật, từ đây khám phá tướng huyền hóa, đắc được sự tự tại và sự tự nhiên không có trói buộc của Nội Tâm... tức tăng trưởng Trí Tuệ thuộc phương diện **Thắng Nghĩa Đế**

Chân Ngôn là: OM A RA PA CA NA DHĪH

.)**Bạch Văn Thù** là Bản Tôn giúp cho mau chóng tăng trưởng sự ghi nhớ và biện tài. Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì Bạch Văn Thù còn được xưng là **Trí Tuệ Luân Văn Thù**. Tu trì Pháp Môn của Tôn này thì rất mau chóng đạt được Trí Tuệ, đặc biệt đối với sức tăng trưởng sự ghi nhớ, Mẫn Tiệp Tuệ cùng với Trí Tuệ diễn giảng, biện luận có hiệu quả rất đặc thù... tức tăng trưởng Trí Tuệ thuộc phương diện **Tục Đế**

Chân Ngôn là: OM VĀKYEDA NAMAḤ

.)**Hắc Văn Thù** là Bản Tôn chủ về trừ Ma Chướng. Tu trì Pháp Môn của Tôn này sẽ mau chóng được sự gia trì, có thể trừ khử rất nhiều chướng ngại, đạt được Trí Tuệ, trị liệu bệnh tật, giáng phục loại **Thi Biến**, đuổi trừ Ma Chướng, đạt được công năng tự bảo hộ thân mình rất đặc thù

Chân Ngôn là: OM A RA PA CA NA DHĪH HŪM

HẮC VẤN THÙ SƯ LỢI CHÚ LUÂN

Hắc Văn Thù Sư Lợi là một Hóa Tướng của năm Văn Thù Sư Lợi, là Bản Tôn chủ về trừ Ma Chướng.

Hắc Văn Thù Sư Lợi có thân màu đen hay màu xanh lam đậm, đầu đội mũ năm Phật, Tay phải giơ lên cao cầm cây kiếm Trí Tuệ, Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã. Tôn này chủ về trừ Ma Chướng, tức có thể dùng Pháp **Giáng Phục**. Hắc Văn Thù Sư Lợi có khẩu quyết quán tưởng bí mật có thể dùng trừ bỏ tất cả chướng ngại



Tu trì Pháp Môn của Hắc Văn Thù Sư Lợi sẽ mau chóng được sự gia trì, có thể trừ khử rất nhiều chướng ngại, đạt được Trí Tuệ, trị liệu bệnh tật, giáng phục loại **Thi Biện**, đuổi trừ Ma Chướng, đạt được công năng tự bảo hộ thân mình rất đặc thù

Người chưa thọ nhận **Bản Pháp Môn Quán Đỉnh** thì chẳng thể tu tự hóa thành Bản Tôn, mà chỉ có thể niệm tụng văn **lễ tán** với **Chú Ngữ** của Ngài

Hai Thần Chú chính của Hắc Văn Thù Sư Lợi là:

1_ OM_ A RA PA CA NA DHĪH HŪM

2_ OM_ PRASOD CHUSOD DURATA-SOD DURAMI-SOD SŪNĪ
MAGOLA-CCHOD KHALAJAḤ_ KAḤ ŚAḤ TRAḤ RVAD PHAṬ SVĀHĀ

Một số vị Đạo Sư đã dùng hai câu Chú chính này hình thành **Hắc văn Thù Sư Lợi Chú Luân** giúp cho người đeo mang trên thân tự bảo hộ thân mình, xa lìa chướng nạn



- _ Chính giữa Chú Luân là chữ HŪḤ màu đen
- _ Vòng chữ kế tiếp là: OM A RA PA CA NA DHĪḤ HŪḤ
- _ Vòng chữ ngoài cùng là: OM PRASOD CHUSOD DURATA-SOD
DURAMI-SOD SŪNĪ MAGOLA-CCHOD KHALAJAḤ KAM ŚAM TRAM
RVAD PHAṬ SVĀHĀ

BÁT TỰ VĂN THÙ MAN ĐA LA

Soạn dịch: HUYỀN THANH

Đàn hướng về phương Nam, có ba Viên:

_ **Nội Viên**: vẽ một vành tròn trịa (viên luân) giống như trăng tròn.

Ngay chính giữa viết chữ **MAM** (𑖓). Tiếp theo thứ tự sau: mặt Bắc viết chữ **OM** (𑖔). Tiếp xoay theo bên phải, góc Đông Bắc viết chữ **AH** (𑖕). Tiếp phương Đông, viết chữ **VĪ** (𑖖). Tiếp góc Đông Nam, viết chữ **RA** (𑖗). Tiếp phương Nam, viết chữ **HŪM** (𑖘_Hūm). Tiếp góc Tây Nam, viết chữ **KHA** (𑖙). Tiếp phương Tây, viết chữ **CA** (𑖚). Tiếp góc Tây Bắc, viết chữ **RAH** (𑖛).

Dùng chín chữ này làm **Tôn** (Nātha) trong **Nội Viên**.

_ **Viên thứ thứ hai**:

Trước mặt **Tôn**, mặt Nam vẽ **Thỉnh Triệu Đồng Tử** (Akarṣāya, hay Akarṣaṇī), chữ chung tử là **AH** (𑖕)

Tiếp góc Tây Nam, vẽ **Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Keśinī), chữ chung tử là **KE** (𑖖)

Tiếp phương Tây, phía bên phải, vẽ **Cứu Hộ Tuệ Đồng Tử** (Paritrāṇāsāya-mati), chữ chung tử là **KA** (𑖗)

Tiếp góc Tây Bắc, vẽ **Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Upakeśinī), chữ chung tử là **U** (𑖘)

Tiếp mặt phía sau, phương Bắc, vẽ **Quang Vãng Đồng Tử** (Jālīni-prabha), chữ chung tử là **JAM** (𑖙)

Tiếp góc Đông Bắc, vẽ **Địa Tuệ Tràng Đồng Tử** (Vasu-mati-ketu), chữ chung tử là **A** (𑖚)

Tiếp phương Đông, phía bên trái, vẽ **Vô Cấu Quang Đồng Tử** (Vimala-prabha), chữ chung tử là **TRA** (𑖛)

Tiếp góc Đông Nam, vẽ **Bát Tư Nghị Tuệ Đồng Tử** (Acintya-mati), chữ chung tử là **A** (𑖜)

Như vậy, ở tám phương của Diệu Cát Tường Đồng Chân Bồ Tát đều hướng mặt về Tôn chính giữa như thế **phụng Giáo**, đều ngồi trên hoa sen, mỗi một vị đều cỡi Sư Tử, hai tay đều cầm **Tiêu Xí Ấn Khế**.

_ Lại ở trong bốn góc ở bên ngoài **Viên Luân** (vành tròn trịa) vẽ bốn vị **Phần Hộ Minh Vương** (Krodha-vidya-rāja)

Góc Đông Nam, vẽ **Giáng Tam Thế Cương** (Trailokya-vijaya-vajra) màu xanh có tám cánh tay. Hai tay ngang phía trước kết Ấn: Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng móc ngược nhau, còn lại nắm quyền, dựng Tiến Lược (2 ngón trỏ). Tay trái cầm cây cung, tai phải cầm thân mũi tên. Bên trái: một tay cầm cái chày, một tay cầm sợi dây. Bên phải: một tay cầm cây Kịch, một tay cầm cây Bồng. Ba mặt, góc miệng hiện răng nanh, ngồi trong lửa nóng rực. Chữ chung tử là **HŪM** (𑖘)

Góc Tây Bắc, **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Aparājita-vidya-rāja) có bốn cánh tay, màu xanh, ba mặt, tóc lửa dựng đứng đáng sợ. Bên phải: một tay nắm quyền dựng ngón trỏ, một tay cầm cây Tam Cô Kịch. Bên trái: một tay tác **Thí Nguyện**, một tay cầm cây Bồng, ngồi yên trên hoa sen. Chữ chung tử là **DHRIM** (𑖙)

Góc Tây Nam, **Diêm Mạn Đức Ca Kim Cương** (Yamāntaka-vajra) màu xanh đen, 6 cái đầu, 6 cánh tay, 6 chân... đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm cây kích, tiếp theo tay bên dưới cầm cây cung, tiếp theo tay bên dưới cầm sợi dây. Bên phải: tay bên trên cầm cây kiếm, tiếp theo tay bên dưới cầm mũi tên, tiếp theo tay bên dưới cầm cây gậy. Cỡi con trâu xanh làm toà ngò. Chữ chung tử là **HRĪḤ** (𑖕𑖃)

Góc Đông Bắc vẽ **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) có ba mặt, 6 cánh tay (?8 cánh tay) đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm hoa sen, một tay cầm cái bình, một tay cầm cây gậy. Hai tay ngang trái tim kết Ấn Khế. Bên phải: tay bên trên cầm cây búa, một tay cầm tràng hạt, một tay cầm **Sách Luân Vương**, ngò ngay trong hoa sen, tướng đại phẫn nộ, hiện thể cực ác mãnh lợi. Còn lại đều y theo Bản Pháp. Chữ chung tử là **HAM** (𑖕𑖃)

— **Viện thứ ba**, 16 vị **Đại Thiên** hộ bên ngoài

.) Ngay trước mặt Tôn (cửa Nam) là **Câu Bò Tát** (tay trái nắm quyền, tay phải cầm móc câu)[Amkuśa-bodhisatva]. Chữ chung tử là **JAḤ** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Tây là **Diệm Ma Hậu** (Yamī). Chữ chung tử là **YA** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Tây là **La Sát Chủ** (Nirṛtiḥ, hay Rākṣasa-rāja). Chữ chung tử là **NR** (𑖕𑖃)

Ngay góc Tây Nam là **Thiên Hương Cúng Đường Bò Tát** (Dhūpa-pūja-bodhisatva). Chữ chung tử là **AḤ** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Bắc là **La Sát Hậu** (Rākṣasī). Chữ chung tử là **RAḤ** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Bắc là **Thủy Thiên** (Varuṇa). Chữ chung tử là **VA** (𑖕𑖃)

.) Cửa Tây là **Sách Bò Tát** (Pāśa-bodhisatva). Chữ chung tử là **HŪM** (𑖕𑖃)

Tiếp theo phía Bắc là **Long Thiên Hậu** (Nāgī). Chữ chung tử là **NA** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Bắc là **Phong Thiên Vương** (Vāyu). Chữ chung tử là **VĀ** (𑖕𑖃)

Góc Tây Bắc là **Hoa Cúng Đường Bò Tát** (Puṣpa-pūja-bodhisatva). Chữ chung tử là **OM** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Đông là **Phong Thiên Hậu** (Vāyavī). Chữ chung tử là **VĀ** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa). Chữ chung tử là **VAI** (𑖕𑖃)

.)Phía sau Tôn, phương Bắc là **Kim Cương Toả Bò Tát** (Vajra-sphoṭa-bodhisatva). Chữ chung tử là **VAM** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Hậu** (Vaiśravaṇī). Chữ chung tử là **RU** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Đông là **Y Xá Na Thiên Vương** (Īśāna). Chữ chung tử là **I** (𑖕𑖃)

Góc Đông Bắc là **Đẳng Cúng Đường Bò Tát** (Āloka-pūja-bodhisatva). Chữ chung tử là **DĪḤ** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Nam là **Y Xá Na Hậu** (Īśānī). Chữ chung tử là **RU** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Thiên Vương** (Indra). Chữ chung tử là **Ī** (𑖕𑖃)

.) Phương bên trái, cửa Đông là **Kim Cương Linh Bò Tát** (Vajra-ghaṃṭa-bodhisatva). Chữ chung tử là **HOḤ** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Hậu** (Aindrī). Chữ chung tử là **Ī** (𑖕𑖃)

Tiếp theo, phía Nam là **Hoả Thiên Thần** (Agni). Chữ chung tử là **A** (𑖕𑖃)

Góc Đông Nam là **Đồ Hương Cúng Đường Bồ Tát** (Gandha-pūja-bodhisatva).
Chữ chủng tử là GAḤ (𑖔𑖅)

Tiếp theo, phía Tây là **Hoả Thiên Hậu** (Agnayī). Chữ chủng tử là A (𑖠)

Tiếp theo, phía Tây là **Diêm Ma Thiên** (Yama). Chữ chủng tử là YAṀ (𑖂𑖅)

Phần bên trên là **viện thứ ba**, an bày các Tôn xong

_ Bốn cửa với **Thực Đạo** (Lối nẻo bày thức ăn uống), bốn góc đồng với các Đàn Pháp, Tính báu, cỏ cũng giống nhau. Lá hoa sen ở bốn cửa tinh tế như hoa sen xanh.



_ Nếu câu **Tứ Tai** thì ngay chính giữa, viết chữ **MAM** (𑊠)



_ Nếu câu **Tăng Ích** thì ngay chính giữa, viết chữ **SRĪ** (𑊰)



_ Nếu câu **Kính Ái** thì ngay chính giữa, viết chữ **DHAM** (ॐ)



_ Nếu câu **Giáng Phục** thì ngay chính giữa nên viết chữ **ṢTRI** (ॐ)



Nếu dùng **Đại Man Đà La** (Mahā-maṇḍala) thì chín chữ Phạn của Nội Viện này được thay bằng Tôn Tượng **Diệu Cát Tường Đồng Tử** với đỉnh đầu có tám búi tóc. Phía trước có năm búi tóc, một búi tóc trên đỉnh đầu, hai búi tóc phía sau đỉnh. Trên mỗi một búi tóc đều có thân Phật. Vị trí của hai Viện còn lại đều an bày hình tượng của các Tôn.

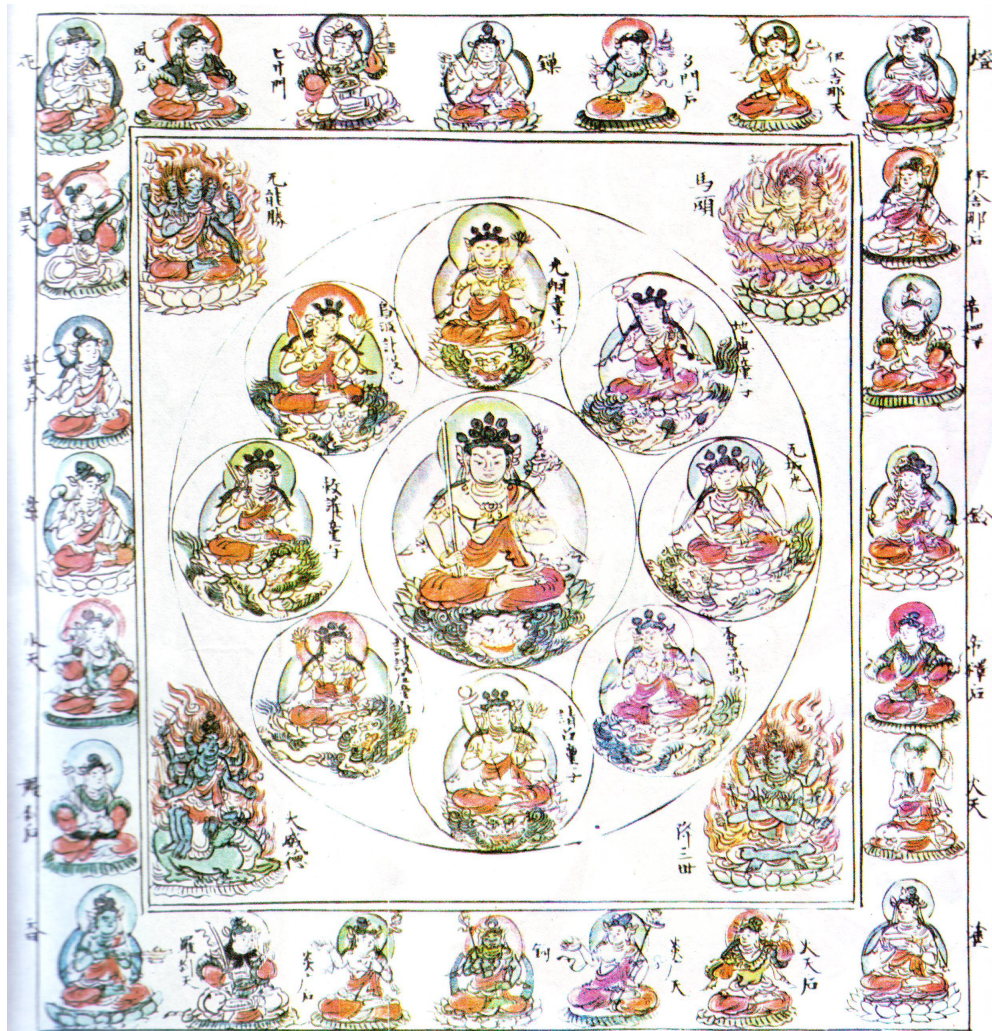
Chân Ngôn thông dụng là:

ॐ मः म्पुत्रियै नमः सुविनेसिता तेजा राजाया
 तथगतया नमो ममजुस्रिया कुमारा भूतया
 तद्यथाः अहं विरा हूं खकाराहं

NAMAḤ APARIMITĀYURJŪNĀNA SUVINEŚCITA-TEJA-RĀJĀYA
 TATHĀGATĀYA

NAMO MAṂJUŚRĪYA-KUMĀRA-BHŪTĀYA

TADYATHĀ: AḤ VĪRA HŪM KHACARAḤ





Kinh Kim Cương Đỉnh Du Già Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Pháp ghi nhận Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Bách Tự Chân Ngôn là:

“Án, khát nga tát đất-phộc (1) tam ma gia ma nồ bá la gia (2) khát nga tát đất-phộc (3) để phệ nộ bả để sắt-xá (4) niết lý-trụ minh bà phộc (5) tổ đồ sử dụ minh bà phộc (6) a noa la cật-đổ minh bà phộc (7) tổ bổ sử-dụ minh bà phộc (8) tát phộc tất đề minh, bát-la dã sai (9) tát phộc yết ma tổ giả minh (10) chắt đa, thất-lợi dục cú lỗ (11) hồng, ha, ha, ha, ha, hộc, bà nga tông (12) tát phộc đất tha nghiệt đa (13) khát nga, ma, minh, môn giả (14) khát nghê bà phộc (15) ma ha tam ma gia, tát đất-phộc, Ác (16)”

ॐ खड्गसर्व सम्यक्पलया खड्गसर्व वृक्षपक्षि वृक्ष मन्त्र
 सुगन्ध मन्त्र मन्त्र [सु मन्त्र सुपुत्र मन्त्र सर्व सिद्धि म प्रयच्छ सर्व कर्म सु
 व म (सर्व श्रीयं कुरु ॐ ॐ न न न न नः न ग वं सर्व न व ग न खड्ग म म म व
 खड्ग म न व म न सम्यक्सर्व ॐ

OM-KHADGA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – KHADGA-SATVA
 TVENA UPATIṢṬA – DRDHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA-
 ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA SARVA SIDDHIṀ ME
 PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ŚRĪYAM KURU HŪM HA
 HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA TATHĀGATA-KHADGA, MĀ ME
 MUMCA KHADGĪ BHAVA- MAHĀ-SAMAYA SATVA- ĀḤ



Kết Kim Cương Lợi Ân ở trên trái tim



Tụng **Bách Tụng Chân Ngôn** gia trì thân của mình. Giả sử trong đời quá khứ đã gây tạo mọi loại nghiệp ác, tất cả tội chướng của nhóm Vô Gián... do **Bách Tụng Chân Ngôn** này gia trì cho nên tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt, thân đời này đắc được **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śuraṃgama-samādhi)

Nếu Tâm tán loạn thì số lần tụng Minh này là hoặc bảy lần, hoặc 21 lần cho đến 49 lần, 108 lần thời Tâm là **duyên bám núu** (phan duyên) mau được **Tam Ma Địa** (Samādhi).

19/02/2017